TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 –VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2025/QĐST-DS	*Vĩnh Long, ngày 07 tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 27 tháng 6 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 358/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2024;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trương Thị N**, sinh năm 1962

Địa chỉ cư trú: khóm M, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Vĩnh Long (nay là khóm T, xã Q, tỉnh Vĩnh Long)

Bị đơn:

1/ Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1971

2/ Bà **Mai Thị Cẩm G**, sinh năm 1973

Cùng địa chỉ đăng ký hộ khẩu: khóm T, thị trấn M, huyện C, tỉnh Vĩnh Long (nay là khóm M, xã T, tỉnh Vĩnh Long)

Tạm trú: khóm C, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Vĩnh Long (nay là khóm Đ, xã P, tỉnh Vĩnh Long)

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 25/5/2025)

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Nguyễn Văn H và bà Mai Thị Cẩm G có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị N số tiền hụi còn nợ 13.000.000đ (mười ba triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cho đến khi thi hành án xong thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: là 325.000đ (ba trăm hai mươi lăm ngàn đồng) nguyên đơn bà Trương Thị N và bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Mai Thị Cẩm G mỗi bên nộp ½ án phí, cụ thể như sau:

Bà Trương Thị N nộp 162.500đ (một trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm đồng) nhưng bà N là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí cho bà N theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, 14 của Nghị quyết số 326/2016//UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Văn H và bà Mai Thị Cẩm G có nghĩa vụ nộp 162.500đ (một trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

ĐÃ KÝ

Hồ Hoàng Phong